

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 03-4-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắm.

2. Ông Hoàng Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 299/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 07 ngày 15/3/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt

ĐKKHKT: Xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương;

Trú tại: Thôn S, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1990; Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương; Xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Phạm Văn N kết hôn ngày 20/12/2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, ngoài ra anh N còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vì vậy mà vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ đầu năm 2018 chị đã bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh N nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 02/01/2013 và Phạm Khánh H, sinh ngày 18/10/2016. Hiện nay cháu H đang ở với chị, cháu L ở với anh N. Khi ly hôn, chị xin nuôi cháu H, đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh N nuôi, vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Chị hiện làm công nhân, thu nhập trung bình một tháng là 4 triệu đồng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Thanh Hà đã nhiều lần tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Lời khai của gia đình anh N, chị H và tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng anh N, chị H sau một thời gian chung sống hạnh phúc đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân như chị H đã nêu. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị L, mẹ đẻ anh N còn trình bày: Hiện nay anh N đi làm xa, không có mặt tại địa phương, gia đình đã thông báo cho anh N nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án, anh N ý kiến nếu chị H cương quyết xin ly hôn anh tôn trọng ý kiến chị H. Về con chung vợ chồng anh có 02 con chung như chị H trình bày, anh nhất trí để chị H nuôi cháu H, anh xin nuôi cháu L và hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Do hiện nay anh đang đi làm xa, anh nhờ mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L chăm sóc cháu L giúp anh. Do công việc bận nên anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Anh ủy quyền cho bà L nhận hộ anh các văn bản tố tụng của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh N) đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L giúp anh N trong thời gian anh đi làm xa không có ở nhà.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX), nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị

HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị H ly hôn anh N. Về con chung: Giao con chung là Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 02/01/2013 cho anh N nuôi dưỡng; giao con chung là Phạm Khánh H, sinh ngày 18/10/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh N, chị H không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh N), tạm giao cháu Phạm Thị Khánh L cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh N đi làm xa chưa về. Về quan hệ tài sản: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa nguyên đơn, bà L vắng mặt và trước đó đã ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh N có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh N đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống; ngoài ra chị H còn cho rằng trong thời gian lao động ở nước ngoài, anh N có quan hệ bất chính và có con riêng với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân hơn một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh N nên xin ly hôn với anh N. Thông qua gia đình, anh N ý kiến tôn trọng ý kiến chị H vì giữ người ở chứ không thể giữ người đi. Như vậy tình trạng hôn nhân của chị H, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị H ly hôn anh N là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về quan hệ con chung:* Chị H, anh N có 02 con chung, cháu H hiện đang ở với chị cùng ông bà ngoại, còn cháu L đang ở với gia đình anh N. Xét thấy khi ly hôn, chị H xin nuôi cháu H, đề nghị Tòa án giao con L cho anh N nuôi; anh N thông qua gia đình nhất trí quan điểm của chị H về con chung, nên cần chấp nhận đề nghị về con chung của các đương sự. Hiện nay anh N đi làm xa nên anh nhờ mẹ đẻ

là bà Nguyễn Thị L thay anh chăm sóc cháu L, bà L đồng ý, vì vậy HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của bà L, tạm giao cháu L cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh N đi làm xa chưa về nhà. Do anh N, chị H mỗi bên nuôi 01 con, nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Thị Khánh L, sinh ngày 02/01/2013 cho anh Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Phạm Khánh H, sinh ngày 18/10/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh N, chị H không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ anh Nh), tạm giao cháu Phạm Thị Khánh L cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh N đi làm xa chưa về.

Chị H, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000303 ngày 17/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị H đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiên Tiến, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung